TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2021/HS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Hữu Nhường
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Giáo viên.
Ông Nguyễn Thành Trung – Giáo viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Minh Q,** tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/5/2004 tại huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn K, sinh năm 1963, con bà: Hứa Thị N, sinh năm 1968; Vợ, con chưa có; bị cáo là con duy nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 23/2021/HSST ngày 31/5/2021của Tòa án nhân dân thành phố S xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS (phạm tội ngày 20/12/2020).

+ Ngày 09/8/2021, bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V khởi tố về "Trộm cắp tài sản" (phạm tội ngày 27/11/2020).

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam trong vụ án này. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Minh Q:

Ông Lê Văn K, sinh năm 1963 (là bố bị cáo Q) - có mặt.

Trú Tại: Xóm Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh Q:

Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1962 - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên/ có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Mạnh D,** tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01/10/2003 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1979, con bà: Vi Thị T, sinh năm 1978; Vợ, con chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 31/2021/HSST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố S xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS (phạm tội ngày 20/12/2020).

+ Tại Bản án số 53/2021/HSST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 09 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS (phạm tội ngày 02/7/2021). Tổng hợp hình phạt của Bản án số 31/2021/HSST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố S xử phạt 09 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo Nguyễn Mạnh D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **18** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **10/7/2021**.

+ Ngày 09/8/2021, bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V khởi tố về "Trộm cắp tài sản" (phạm tội ngày 27/11/2020).

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam trong vụ án này, hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Mạnh D:

Bà Vi Thị T, sinh năm 1978 (là mẹ bị cáo D) - có mặt.

Trú Tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh D:

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1951 - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên/ có mặt.

- Bị hại: Ông Từ Như B1, sinh năm 1959/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Người làm chứng:

1. Anh Từ Đức T, sinh năm 1987/ vắng mặt.

Trú tại: Xóm Làng Lậm, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Hoàng Thị B2, sinh năm 1977/ vắng mặt.

3. Ông Trương Văn S, sinh năm 1960/ có mặt.

4. Anh Hoàng Minh T2, sinh năm 1986/ vắng mặt.

Cùng trú tại; Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D là bạn bè quen biết nhau từ trước nên Q đã rủ D đi trộm cắp tài sản bán lấy tiêu sài. Ngày 30/11/2020, khi đang chơi tại Quảng trường Võ Nguyên Giáp thuộc phường T, thành phố N thì Q rủ D sang huyện Đ để trộm cắp xe mô tô. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Q chở D đi vào xóm L, xã H, huyện Đ thì phát hiện có 03 xe mô tô đang để ở sân trước cửa kho của nhà bà Hoàng Thị B2 (sinh năm 1977). Lúc này, Q đã điều khiển xe chở D đi qua nhà bà B2 thì D bảo Q điều khiển xe quay lại, đỗ xe vào lề đường, cách nhà bà B2 khoảng 40m để quan sát. Q đứng ở xe đợi còn D xuống xe đi quan sát xung quanh. Khoảng 1 phút sau, D quay lại chỗ Q và nói "Tao thấy có 03 cái xe để trước cửa cái nhà kia, tao với mày vào đấy xem thử có lấy được không", Q đồng ý. Cả hai đi vào vị trí nơi để 03 chiếc xe mô tô rồi dùng tay kiểm tra thì phát hiện chiếc xe mô tô Honda Wave, màu trắng, BKS 20G1-137.00 của ông Từ Như B1 (sinh năm 1959, trú tại xóm L, xã H, huyện Đ) để ở phía ngoài cùng bên trái theo hướng từ ngoài đi vào không khóa cổ. Q vẫy D ra ngoài và nói với D "*Xe đầu tiên không khóa cổ thì làm kiểu gì bây giờ*", D nói "*Cứ dắt ra rồi tính tiếp*". Quan sát thấy không có ai thì D đi vào trong khu vực sân, còn Q ở lại xe cảnh giới đợi D. Khoảng 5 phút sau, do thấy có người đi đường, sợ bị phát hiện nên D đi ra chỗ Q và nói "*Xe đấy khó lấy lắm, tao không lấy được, mày vào thử xem*". Q đi vào vị trí để xe mô tô Honda Wave, màu trắng, BKS 20G1-137.00 rồi quay đầu xe dắt ra ngoài đường, đi lên dốc hướng ra đường Quốc lộ 1B. Khi dắt xe qua vị trí D đứng đợi khoảng 15m thì Q dựng xe và đi bộ xuống chỗ D nói: "*Mày lên lái xe Wave kia đi*" còn Q lái xe Dream và dùng chân đạp đẩy chiếc xe D điều khiển. Khi D vừa lên đến chỗ xe Hon da Wave,BKS 20G1-137.00 thì bị anh Hoàng Minh T (sinh năm1986, trú tại xóm L, xã H, huyện Đ) phát hiện và cầm gậy đuổi. D bỏ lại chiếc xe mô tô BKS 20G1-137.00, chạy xuống chỗ Q đang đứng rồi Q điều khiển xe chở D bỏ chạy về nhà Q. Sau đó, anh Tân báo cho Công an viên xã H đến tạm giữ chiếc xe mô tô BKS 20G1-137.00. Sau khi tiếp nhận xe, Công an xã H đã trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu là ông Từ Như B1 quản lý, sử dụng. Đến ngày 20/12/2020, Q và D tiếp tục trộm cắp tài sản tại địa bàn thuộc thành phố S thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S khởi tố và đã làm rõ hành vi trộm cắp xe mô tô tại xóm L, xã H, huyện Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã chuyển hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 29/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 xe máy, màu trắng, nhãn hiệu Honda Wave, loại xe hai bánh, BKS 20G1-137.00, số máy C21E-3374091,

số khung Y573982, đăng ký lần đầu ngày 24/01/2013, có giá trị tại thời điểm ngày 30/11/2020 là 7.100.000đ (bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Từ Như B1 đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 20G1-137.00 và không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSĐH, ngày 01/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hai bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Bộ luật hình sự; Điều 38, 56, 57, 58, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự; Điều 414, 423 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Lê Minh Q từ 06 đến 09 tháng tù, phạt bị cáo Nguyễn Mạnh D từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị xử phạt các bị cáo ở mức 06 tháng tù vì các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người phạm tội dưới 18 tuổi.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Khoảng 19 giờ ngày 30/11/2020, tại sân trước cửa nhà kho của gia đình bà Hoàng Thị B2 thuộc xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D đã trộm cắp xe mô tô Honda Wave, màu trắng BKS 20G1-137.00, trị giá 7.100.000 đồng (bảy triệu một trăm nghìn đồng) của ông Từ Như Bình. Khi Q và D vừa dắt xe ra ngoài thì bị quần chúng nhân dân phát hiện nên

cả hai bỏ lại xe vừa lấy trộm và bỏ trốn. Hiện tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại quản lý, sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xé t xử thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm".

[2]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xác định: Bị cáo Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, hai bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà liên tục có hành vi trộm cắp tài sản ở nhiều địa phương trong tỉnh, điều đó chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu sài nhưng không muốn lao động chân chính. Do đó buộc cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, đồng thời khi lượng hình cần có một mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục hai bị cáo thành người lương thiện và để răn đe, phòng ngừa chung. Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm có tính chất giản đơn cùng đi thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên bị cáo Q là người rủ rê bị cáo D đi trộm cắp và trực tiếp vào dắt xe của ông Từ Như B1, do vậy bị cáo Q phải chịu mức phạt tù cao hơn bị cáo D.

Hai bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với hai bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hai bị cáo được hưởng quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên được áp dụng các quy định của bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy trong lượng hình, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét giảm một phần hình phạt đối với hai bị cáo, thể hiện sự khoan khồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với hai bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hai bị cáo.

Xét luận cứ bào chữa của người bào chữa cho hai bị cáo về nguyên nhân, động cơ phạm tội của hai bị cáo là có cơ sở, đề nghị về mức hình phạt đối với hai bị cáo là có cơ sở.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 thì các bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy các bị cáo dưới 18 tuổi, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Từ Như B1 đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 20G1-137.00 và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, luật sư bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]**.** *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 38, 56, 58, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự; Điều 414, 423 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Minh Q 09** tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án số 23/2021/HSST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố S xử phạt Lê Minh Q 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo Lê Minh Q phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **21** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Lê Minh Q thi hành bản án số 23/2021/HSST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (26/7/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 38, 58, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự; Điều 414, 423 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Mạnh D 06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Mạnh D thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[2]**.** *Án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Minh Q và Nguyễn Mạnh D mỗi bị cáo phải nộp **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, luật sư bào chữa cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã Phú Thượng, huyện V;
- UBND xã H, huyện Đ;
- Bị cáo, Bị hại;
-Trại giam;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường